

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6- 2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Trần Trúc Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh.
2. Bà Trần Thị Hồng Ngọc.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 200/2023/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2023/QĐXXST - HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số 233/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 4/72, khu phố 6, phường P, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 23, khu phố 3A, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Trảng Dài cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 21/11/2000. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, thời gian sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng hay cãi nhau. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn, hoà giải đoàn tụ nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hoà giải đoàn tụ không thành nên bà xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông H có 02 con chung là cháu Nguyễn Trường P, sinh ngày 19/6/2002 và cháu Nguyễn Ngọc Trúc P, sinh ngày 22/3/2013. Ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Phương, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Cháu P đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

Bà xin xét xử vắng mặt do bận công việc.

*** Bị đơn ông Nguyễn Thanh H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến, không đến Tòa án để tham gia tố tụng.**

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Trúc P, sinh ngày 22/3/2013 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu P đã trưởng thành và có khả năng lao động nên nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chưa lấy được ý kiến của ông H nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chưa lấy được ý kiến của ông H nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Ngọc H khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn là ông Nguyễn Thanh H. Theo biên bản xác minh ngày 23/3/2003, ông H có địa chỉ cư trú tại tổ 23, khu phố 3A, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên tòa xét xử mà không có lý do; Nguyên đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H, ông H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 21/11/2000, nên là hôn nhân hợp pháp theo Điều 5, Điều 6, Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Theo trình bày của bà H quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột dẫn đến vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau. Bà H và ông H đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H xin được ly hôn với ông H.

Tại văn bản xác minh ngày 23/3/2023, địa phương cung cấp không nắm được thông tin mâu thuẫn giữa bà H, ông H. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H vẫn không có ý kiến chứng tỏ ông H bỏ mặc, không mong muốn bảo vệ và duy trì hôn nhân với bà H. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H, ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Ông H không có thiện chí hoặc biện pháp để hàn gắn gia đình, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, nay bà H xin ly hôn với ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà H, ông H có 02 con chung là cháu Nguyễn Trường P, sinh ngày 19/6/2002 và cháu Nguyễn Ngọc Trúc P, sinh ngày 22/3/2013. Hiện nay cháu P đang do bà H trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Ly hôn, bà H có nguyện vọng được tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phương, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Trường P đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu P đã trên 07 tuổi. Qua tham khảo ý kiến, cháu có nguyện vọng được sống chung với bà H, được bà H trực tiếp chăm sóc, giáo dục khi bà H, ông H ly hôn.

Thời gian qua, bà H chăm sóc cháu P tốt. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định không ảnh hưởng đến tâm lý của cháu thì tại thời điểm hiện nay việc giao cháu P cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy yêu cầu nuôi dưỡng cháu P của bà H là có cơ sở chấp nhận.

Do bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung, nên tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Trường P đã trưởng thành có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chưa lấy được ý kiến của ông H nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chưa lấy được ý kiến của ông H nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa thì thấy phù hợp với tài liệu, chứng cứ, quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 5, Điều 6, Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;
- Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc H.
 - Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.
 - Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Trúc P, sinh ngày 22/3/2013 cho bà Nguyễn Ngọc H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời ông Nguyễn Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi cháu P. Anh Nguyễn Trường P, sinh ngày 19/6/2002 đã trưởng thành có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.
- Ông H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.
 - Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.
2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà theo biên lai thu số 0006108 ngày 07 tháng 02 năm 2023 (đã nộp xong).
 3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Biên Hoà;
- UBND phường Trảng Dài;
- Chi cục THADS TP. Biên Hoà;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Trúc Thuỷ

